

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**
Số 1601 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Thuận, ngày 26 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung
đô thị Phan Rí Cửa đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Thuận đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3372/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 25/BXD-QHKT ngày 14/3/2019 của Bộ Xây dựng về việc góp ý điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 339/TTr-SXD ngày 13/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa đến năm 2035, với các nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm thị trấn Phan Rí Cửa hiện hữu và một phần các xã: Hòa Minh, Hòa Phú, Chí Công, huyện Tuy Phong, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp : Xã Bình Thạnh và biển Đông;
- Phía Tây giáp : Huyện Bắc Bình;
- Phía Nam giáp : Biển Đông;
- Phía Bắc giáp : Xã Phong Phú, huyện Tuy Phong và xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình.

2. Quy mô:

- Diện tích: Khoảng 2.425 ha.
- Dự báo dân số đến năm 2035: Khoảng 120.000 người.

3. Tính chất: Là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghiệp khai thác chế biến thủy sản, dịch vụ, du lịch; có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Bình Thuận.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

Số TT	Chức năng	Đến năm 2025		Đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	2.425,00	100,00	2.425,00	100,00
A	Đất xây dựng đô thị	1.172,68	100,00	1.533,79	100,00
1	Đất đa chức năng	738,99	63,02	855,64	55,79
	- Đất đa chức năng mới khuyến khích phát triển thành đất trung tâm đô thị	76,51	6,52	87,21	5,68
	- Đất đa chức năng phát triển mới	369,81	31,54	473,05	30,68
	- Đất đa chức năng tái đầu tư, tái phát triển	2,06	0,18	4,77	0,31
	- Đất khu dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang	199,46	17,01	199,46	13,00
	- Đất đa chức năng hiện trạng cải tạo	91,15	7,77	91,15	5,94
2	Đất công trình công cộng	67,72	5,77	69,82	4,55

Số TT	Chức năng	Đến năm 2025		Đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	- Đất trung tâm y tế	2,34	0,20	2,34	0,15
	- Đất chợ, Trung tâm thương mại	2,93	0,25	2,93	0,19
	- Đất văn hóa	8,17	0,70	8,17	0,53
	- Đất giáo dục	46,02	3,92	46,02	3,00
	- Đất thể dục thể thao	8,25	0,70	10,35	0,67
3	Đất cây xanh công cộng cấp đơn vị ở	82,94	7,07	138,81	9,05
4	Đất cây xanh công cộng cấp đô thị	23,96	2,04	24,64	1,61
5	Giao thông đô thị	128,79	10,98	183,99	11,99
6	Đất phát triển du lịch ven biển, ven rừng ngập mặn	31,40	2,68	129,17	8,42
7	Đất dịch vụ du lịch	13,61	1,16	19,04	1,24
8	Đất hành chính công cộng dự trữ cấp đô thị hoặc liên phường	7,05	0,60	7,05	0,46
9	Đất cơ quan	2,63	0,23	2,63	0,17
10	Đất tôn giáo, di tích	10,35	0,88	10,35	0,67
11	Đất an ninh quốc phòng	2,08	0,18	2,08	0,14
12	Đất sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp	18,43	1,57	45,58	2,97
	- Đất tiêu thụ công nghiệp	16,96	1,44	24,28	1,58
	- Đất công nghiệp, kho tàng, bến bãi	1,47	0,13	21,30	1,39
13	Đất bãi đỗ xe	6,29	0,54	6,55	0,43
14	Giao thông đối ngoại	38,44	3,28	38,44	2,51
B	Đất khác	1.252,32	100,00	891,21	100,00
15	Đất nông nghiệp	281,43	22,47	260,39	29,22
	- Đất sản xuất nông nghiệp có đan xen dịch vụ du lịch	259,40	20,71	238,36	26,74
	- Đất nông nghiệp kết hợp trang trại có đan xen dịch vụ du lịch	22,03	1,76	22,03	2,47
16	Đất lâm nghiệp (lâm nghiệp sinh thái kết hợp du lịch)	145,67	11,63	51,19	5,74
17	Đất rừng ngập mặn	32,85	2,62	32,85	3,69
18	Giao thông đi qua vùng nông nghiệp	32,38	2,59	27,30	3,06
19	Đất nuôi trồng thủy sản	1,26	0,10	5,49	0,62
20	Đất dự trữ phát triển (ưu tiên sử dụng cho chức năng dịch vụ hoặc công trình hỗn hợp)	593,81	47,42	353,06	39,62
21	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	2,50	0,20	2,50	0,28
22	Đất cây xanh sinh thái	12,17	0,97	12,17	1,37
23	Đất cây xanh cách ly	28,54	2,28	28,54	3,20

Số TT	Chức năng	Đến năm 2025		Đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
24	Mặt nước, sông, ao hồ	88,03	7,03	84,04	9,43
25	Bãi cát	33,68	2,69	33,68	3,77

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

5.1. Định hướng phân khu chức năng đô thị: Toàn khu vực đô thị Phan Rí Cửa được quy hoạch thành 7 phân khu chức năng, bao gồm:

a) Phân khu 1: Nằm tiếp giáp bờ phía Đông sông Lũy gồm thị trấn Phan Rí Cửa hiện hữu và một phần xã Hòa Minh. Định hướng là khu trung tâm đô thị loại III (UBND huyện Tuy Phong đã phê duyệt Quy hoạch phân khu tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 28/01/2019).

b) Phân khu 2: Nằm tiếp giáp bờ phía Tây sông Lũy thuộc địa phận xã Hòa Phú. Định hướng phát triển là khu đô thị Nam sông Lũy gắn với dịch vụ du lịch và hậu cần nghề cá.

c) Phân khu 3: Nằm liền kề phân khu 1 thuộc địa phận xã Hòa Minh. Định hướng phát triển là khu đô thị, gồm: Các Trung tâm hành chính, văn hóa, thể thao; công viên cộng đồng gắn với du lịch sinh thái.

d) Phân khu 4: Nằm liền kề với phân khu 3, gồm khu vực dân cư hiện trạng giáp biển thuộc địa phận xã Chí Công. Định hướng phát triển là khu đô thị gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

đ) Phân khu 5: Nằm liền kề với phân khu 4, là khu vực đồng muối và nuôi trồng thủy sản thuộc địa phận xã Chí Công. Định hướng phát triển thành khu đô thị sinh thái.

e) Phân khu 6: Nằm liền kề với phân khu 5, là khu vực giáp ranh phía Nam Quốc lộ 1 thuộc địa phận xã Chí Công. Định hướng phát triển khu sinh thái nông nghiệp.

g) Phân khu 7: Nằm phía Bắc Quốc lộ 1 thuộc địa phận xã Hòa Minh. Định hướng phát triển là khu đô thị gắn với tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp sinh thái công nghệ cao.

5.2. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

a) Hệ thống trung tâm đô thị:

- Tổ chức các trung tâm đa chức năng với công trình xây dựng mật độ cao, ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ.

- Tổ chức hệ thống công trình công cộng cơ bản: Ngoài hệ thống các công trình công cộng hiện hữu, quy hoạch bổ sung các công trình công cộng và

trung tâm chuyên ngành nhằm đảm bảo phục vụ các nhu cầu thiết yếu về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, trung tâm hành chính cấp phường,...

b) Hệ thống các khu dân cư: Các khu dân cư quy hoạch phân bố đều trong từng khu chức năng đô thị.

c) Các trục cảnh quan chính, không gian cửa ngõ và điểm nhấn đô thị:

- Các tuyến cảnh quan chính gồm tuyến cảnh quan du lịch ven biển, tuyến cảnh quan ven sông Lũy, các tuyến cảnh quan du lịch sinh thái.

- Các trục cảnh quan đô thị: Hai bên Quốc lộ 1, hai bên đường Nguyễn Thị Minh Khai (Đại lộ Đông - Tây), hai bên đường Trần Phú, hai bên đường Lý Thường Kiệt,...

- Không gian cửa ngõ:

+ Cửa ngõ phía Đông: Hướng tiếp cận từ Ninh Thuận, trên Quốc lộ 1;

+ Cửa ngõ phía Tây: Gồm các hướng tiếp cận từ xã Hòa Phú và xã Phan Rí Thành qua các tuyến Hòa Thắng - Hòa Phú và Quốc lộ 1.

+ Cửa ngõ phía Nam: Hướng tiếp cận đường biển đến cảng Phan Rí và khu neo đậu tại xã Chí Công.

- Điểm nhấn đô thị: Bố trí các công trình quy mô lớn mang tính biểu tượng hoặc không gian mở công cộng dạng vườn hoa, quảng trường trên các trục cảnh quan chính của đô thị.

d) Hệ thống cây xanh công cộng, cây xanh cảnh quan đô thị: Các khu vực cây xanh công cộng, cây xanh cảnh quan bố trí phân tán trong từng khu chức năng đô thị.

e) Khu vực dự trữ phát triển: Nằm tại phía Đông Bắc của đô thị, phía Bắc Quốc lộ 1. Định hướng phát triển mở rộng đô thị trong tương lai, ưu tiên phát triển các công trình đa chức năng (hỗn hợp).

6. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) Nền xây dựng:

- Cao độ không chế xây dựng: $H_{xd} \geq +2,4$ m.

- Khu vực hiện trạng có cao độ $< 2,4$ m, nâng cao độ nền công trình $H = 2,4$ m.

- Khu vực hiện trạng có cao độ $\geq 2,4$ m: Giữ nguyên địa hình tự nhiên, khi cải tạo và xây dựng công trình mới chỉ san lấp cục bộ, cao độ nền phải đảm bảo phối kết với cao độ nền xung quanh và không được ảnh hưởng tới tiêu thoát nước chung.

- Khu vực xây dựng mới trên nền bị ngập úng cục bộ, cần có giải pháp tôn nền đến cao độ không chế, độ dốc nền đảm bảo thoát nước tự chảy theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; chủ động tiêu thoát, tránh úng cục bộ.

* Đối với tuyến đường kết hợp kè bảo vệ bờ biển tuân thủ hướng tuyến và cao độ thiết kế theo Quy hoạch công trình chống xói lở bờ biển tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2012 - 2020 đã được UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt.

b) Thoát nước mưa:

- Định hướng xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải, hệ thống hoạt động theo nguyên tắc tự chảy.

- Toàn bộ đô thị Phan Rí Cửa chia làm 04 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Tây sông Lũy, thuộc Phân khu 2; hướng thoát ra sông Lũy và biển Đông;

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Bắc Quốc lộ 1 và phía Đông đường D7, thuộc Phân khu 7; hướng thoát ra kênh tiêu xã Hòa Minh - Chí Công;

+ Lưu vực 3: Khu vực phía Tây đường D7, thuộc Phân khu 1 và Phân khu 7, hướng thoát ra sông Lũy và biển Đông theo cửa xả hiện trạng;

+ Lưu vực 4: Khu vực phía Nam Quốc lộ 1 và phía Đông đường D7, thuộc Phân khu 3, Phân khu 4, Phân khu 5, Phân khu 6; hướng thoát ra kênh tiêu xã Hòa Minh - Chí Công và biển Đông.

c) Quy hoạch quản lý nguồn nước:

- Điều tiết xả nước từ các hồ chứa thượng nguồn trên lưu vực sông Lũy duy trì dòng chảy mùa khô giảm thiểu nguy cơ xâm nhập mặn.

- Bổ sung hệ thống kênh tưới để đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng các đập điều tiết ở thượng nguồn và hạ lưu giúp điều tiết tối ưu.

- Xây dựng hệ thống kè chống sạt lở và bảo vệ lòng dẫn, bảo vệ hai bên bờ sông.

- Xây dựng hệ thống kè biển theo quy hoạch công trình phòng chống xói lở bờ biển tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 – 2020.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt, đảm bảo thoát nước nhanh. Xây dựng tuyến mương nắp đan kích thước BxH = (3,5 m x 3,5 m) trên tuyến đường Trần Hưng Đạo và tuyến mương nắp đan kích thước BxH = (2,5 m x 3 m) trên tuyến đường D17 ven sông Lũy nhằm tiêu thoát nước mưa ra biển khi mực nước triều sông Lũy đạt cao trình > +2,4m.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải, hạn chế tiến tới chấm dứt tình trạng nước thải xả trực tiếp vào các nguồn nước.

- Điều tiết xả nước từ các hồ chứa thượng nguồn trên lưu vực sông Luỹ duy trì dòng chảy mùa khô giảm thiểu nguy cơ xâm nhập mặn.

- Xây dựng hệ thống kênh tưới (gồm kênh Chí Công và kênh Hòa Minh) phục vụ sản xuất nông nghiệp.

6.2. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1: Kết nối hướng Đông - Tây đô thị, theo quy hoạch phân khu Trung tâm đô thị Phan Rí Cửa được phê duyệt, nâng cấp quy mô mặt cắt đường đến 54 m.

- Tỉnh lộ ĐT.716: Kết nối hướng Đông - Tây đô thị, định hướng nâng cấp quy mô mặt cắt đường đến 25 m.

- Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Kết nối hướng Đông - Tây đô thị, định hướng quy hoạch kết nối với đường Hòa Thắng - Hòa Phú hiện hữu đi thị trấn Liên Hương; quy mô mặt cắt đường 50 m.

- Đường quy hoạch D7: Kết nối hướng Bắc - Nam đô thị, định hướng quy hoạch kết nối với ga đường sắt tốc độ cao tại xã Hòa Minh (ngoài đô thị).

b) Giao thông đô thị:

- Đường chính đô thị:

+ Trục chính hướng Đông - Tây: Gồm các tuyến đường quy hoạch N8, đường Lý Thường Kiệt, đường Quang Trung thuộc đồ án Quy hoạch phân khu trung tâm đô thị Phan Rí Cửa đã được phê duyệt.

+ Trục chính hướng Bắc - Nam: Gồm đường Thống Nhất, đường Trần Phú, đường Hải Thượng Lãn Ông.

- Đường khu vực, phân khu vực: Xây dựng mới các tuyến đường khu vực, phân khu vực với bề rộng từ 13-25 m, tổ chức đấu nối hợp lý với hệ thống đường chính, đảm bảo lưu thông thuận lợi giữa các khu chức năng.

c) Giao thông công cộng:

- Bến xe: Đồ án bố trí 02 bến xe; định hướng di dời bến xe Phan Rí Cửa về dọc đường Hải Thượng Lãn Ông (gần Quốc lộ 1), bên cạnh bến xe Đông Hưng.

- Bãi đỗ xe: Hệ thống bãi đỗ xe bố trí phân tán trong các khu chức năng đô thị.

- Trong phạm vi quy hoạch có 4 tuyến xe buýt (theo Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/10/2012).

- Ngoài khu vực cảng cá Phan Rí Cửa hiện tại đang sử dụng sẽ có thêm một khu neo đậu tàu thuyền ở xã Chí Công (Theo Quy hoạch khu neo đậu tránh bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1349/QĐ-TTg ngày 09/08/2011).

6.3. Quy hoạch cấp nước:

a) Tổng nhu cầu cấp nước giai đoạn dài hạn: 22.000 m³/ngày,đêm.

b) Nguồn nước:

- Nhà máy nước Tuy Phong (đặt tại xã Phong Phú, huyện Tuy Phong), công suất thiết kế 32.000 m³/ngày,đêm.

- Nhà máy nước Bắc Bình (đặt tại thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình); công suất thiết kế 27.000 m³/ngày,đêm.

c) Công trình đầu mối: Đầu tư xây dựng mới trạm cấp nước Phan Rí Cửa tại thị trấn Phan Rí Cửa có công suất thiết kế 8.000 m³/ngày,đêm, nhận nước từ nhà máy nước Bắc Bình và nhà máy nước Tuy Phong để cung cấp cho toàn đô thị. Dự kiến đến năm 2020 nâng cấp lên công suất 12.000 m³/ngày,đêm, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho khu vực quy hoạch.

d) Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng lưới kiểu hỗn hợp, kết hợp mạng lưới vòng và mạng lưới cụt nhằm mục đích đảm bảo cho việc cấp nước được liên tục, tuần hoàn. Sử dụng các tuyến ống HDPE thiết kế mới nối thành mạch vòng có đường kính Ø110 - Ø200 phục vụ cho sinh hoạt và chữa cháy.

e) Cấp nước chữa cháy: Bố trí các trụ cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư ở khu vực đô thị để phục vụ chữa cháy. Trụ cứu hỏa đặt nổi, sơn màu đỏ và được đấu nối vào các tuyến ống cấp nước có đường kính \geq D100. Bán kính phục vụ của mỗi trụ tối đa 150 m.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

a) Tổng nhu cầu cấp điện giai đoạn dài hạn: Khoảng 62,5 MVA

b) Nguồn điện: Từ trạm biến áp 110/22 kV Phan Rí.

c) Lưới điện:

- Trung thế: Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các tuyến trung thế hiện có, sau khi đã duy tu bảo dưỡng. Giai đoạn dài hạn khi đã hình thành các khu chức năng sử dụng đất quy hoạch, cần có kế hoạch xây dựng mới các tuyến 22 kV, kết nối mạch vòng để cấp điện cho các phụ tải trong khu vực. Khu vực trung tâm đô thị Phan Rí Cửa khuyến khích hạ ngầm lưới điện trung thế để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Hạ thế: Mạng điện hạ áp có từ 2 đến 4 đường dây trục chính và các nhánh rẽ; các đường dây trục chính sử dụng hệ thống 3 pha 4 dây, điện áp 380/220V, các nhánh rẽ tùy theo nhu cầu phụ tải có thể đi 1, 2 hoặc 3 pha. Khu

vực trung tâm thị trấn Phan Rí Cửa khi xây dựng mới khuyến khích sử dụng cáp ngầm; các khu vực khác dùng dây bọc ABC. Trục chính có tiết diện từ 70 – 120 mm², nhánh rẽ từ 35 – 70 mm².

- Chiếu sáng: Quy hoạch chiếu sáng đô thị phù hợp với quy hoạch kiến trúc cảnh quan; Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đồng bộ, đủ tiêu chuẩn cho các tuyến đường giao thông cải tạo hoặc xây mới. Sử dụng nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu giao thông đô thị như phương pháp tiết giảm quang thông giờ thấp điểm, sử dụng kiểu đèn chiếu sáng hẹp, bán rộng để tập trung độ rọi và giảm ô nhiễm ánh sáng.

d) Trạm biến áp phân phối: Phát triển thêm các trạm biến áp tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu phụ tải. Các trạm 22/0,4 kV khu vực trung tâm dùng trạm xây hoặc trạm kios, các khu vực khác phân tán hoặc công nghiệp có thể dùng trạm treo. Công suất các trạm lưới 22/0,4 KV chọn từ 250 KVA đến 630 KVA tùy theo từng khu vực. Bán kính cấp điện của mỗi trạm lưới <300 m.

6.5. Quy hoạch thoát nước thải:

a) Tỷ lệ thu gom: Nước thải sinh hoạt đạt 90% lượng nước cấp (khoảng 15.000 m³/ngày,đêm); nước thải công nghiệp đạt 100% lượng nước cấp (khoảng 1.000 m³/ngày,đêm).

b) Mạng lưới nước thải sinh hoạt:

- Định hướng xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, toàn bộ khu vực quy hoạch dự kiến xây dựng 5 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

+ Trạm xử lý nước thải số 1, công suất 2.000 m³/ngày,đêm, xử lý nước thải cho lưu vực phía Tây sông Lũy;

+ Trạm xử lý nước thải số 2, công suất: 500 m³/ngày,đêm, xử lý nước thải cho lưu vực được giới hạn bởi phía Bắc tuyến Quốc lộ 1 và phía Tây tuyến đường trục Bắc Nam nối ra ga đường sắt cao tốc;

+ Trạm xử lý nước thải số 3, công suất 500 m³/ngày,đêm, xử lý nước thải cho lưu vực được giới hạn bởi phía Bắc tuyến Quốc lộ 1 và phía Đông tuyến đường trục Bắc Nam nối ra ga đường sắt cao tốc;

+ Trạm xử lý nước thải số 4, công suất 5.000 m³/ngày,đêm, xử lý nước thải cho lưu vực được giới hạn bởi phía Nam Quốc lộ 1, phía Tây tuyến đường trục Bắc Nam nối ra ga đường sắt cao tốc và phía Đông sông Lũy;

+ Trạm xử lý nước thải số 5, công suất 6.500 m³/ngày,đêm, xử lý nước thải cho lưu vực được giới hạn bởi phía Nam Quốc lộ 1, phía Đông tuyến đường trục Bắc Nam nối ra ga đường sắt cao tốc.

- Nước thải sau xử lý phải đạt yêu cầu quy định tại QCVN 08-MT/2015/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và dự kiến làm nguồn cung cấp cho tưới cây, rửa đường.

- Đối với khu dân cư sống rải rác, các hộ dân xây dựng bể tự hoại truyền thống hoặc bể tự hoại cải tiến để xử lý nước thải. Các khu dân cư sống tập trung ngoài các bể tự hoại từng gia đình có thể xây dựng thêm bể tự hoại cải tiến BASTAF gồm 4 ngăn (với hiệu quả xử lý loại bỏ cặn, chất hữu cơ BOD và COD đạt tới 70-80%) để xử lý nước thải trước khi xả ra sông hồ.

c) Mạng lưới nước thải công nghiệp:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải riêng cho các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Nước thải sau trạm xử lý cần đảm bảo giá trị tại cột B, bảng 1, điểm 2.2 QCVN 40-2011/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường (giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận).

6.6. Quy hoạch quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh: Khoảng 108 tấn/ngày.

- Thu gom và xử lý: Giai đoạn đầu lượng chất thải rắn được thu gom đưa đến bãi chôn lấp hợp vệ sinh của huyện Tuy Phong. Giai đoạn sau định hướng chất thải rắn được phân loại tại nguồn, được thu gom và xử lý tại các khu xử lý tập trung.

b) Nghĩa trang:

- Khoanh vùng, không mở rộng các nghĩa địa tự phát trong đô thị, giai đoạn sau di dời đến nghĩa trang tập trung của huyện Tuy Phong tại xã Phú Lạc.

- Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng để hạn chế diện tích đất chôn cất.

6.7. Quy hoạch thông tin liên lạc:

a) Nhu cầu dài hạn đến năm 2035: Khoảng 30.000 thuê bao.

b) Nguồn tín hiệu: Mạng viễn thông khu vực đô thị Phan Rí Cửa nằm trong hệ thống chuyển mạch tỉnh Bình Thuận, nguồn tín hiệu chính sẽ được cung cấp từ tổng đài tại thành phố Phan Thiết.

c) Mạng lưới viễn thông:

- Tiếp tục xây dựng và mở rộng cáp gốc, cáp nhánh trong giai đoạn tới để đáp ứng được nhu cầu phát triển dịch vụ. Từng bước hạ ngầm các loại cáp trên

đường phố để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác để tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Tất cả các tuyến cống trên đường trục chính trong khu vực có dung lượng là ống PVC Ø110 x 0,5 mm đi bên dưới vỉa hè, những đoạn qua đường dùng ống Ø110 x 0,65 mm.

- Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp cống có dầu chống ẩm đi trong ống bê (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5 mm.

- Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoài, bố trí tại các ngã ba, ngã tư tạo thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

- Mạng di động: Tăng cường xây dựng mới, sử dụng chung trạm thu phát sóng để giảm bán kính phục vụ, tăng chất lượng dịch vụ.

- Mạng Internet: Triển khai lắp đặt mạng truy nhập tốc độ cao đảm bảo cung cấp dịch vụ internet băng rộng đến tận thuê bao. Truy nhập mạng internet băng rộng sẽ được phát triển theo hai phương thức qua mạng cáp nội hạt và không dây.

7. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Các tác động ảnh hưởng đến môi trường trong và ngoài khu vực quy hoạch:

- Ô nhiễm không khí:

TT	Nguồn gây tác động theo giai đoạn	Tác nhân gây tác động	Phạm vi tác động
1	San lấp mặt bằng	Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị cơ giới, bụi cát bay khi có gió	Công trường
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị cơ giới.	
3	Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, các khu dân cư, các dự án đầu tư xây dựng,...	- Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị cơ giới; - Nhiệt, khói hàn,...	
4	Phát triển đô thị	- Bụi, khí thải, tiếng ồn; - Hơi xăng dầu từ nơi lưu trữ nhiên liệu.	

- Ô nhiễm nước:

TT	Nguồn gây tác động theo giai đoạn	Tác nhân gây tác động	Phạm vi tác động
1	San lấp mặt bằng	- Bụi, đất cát theo nước mưa chảy vào nguồn nước mặt; - Nước thải sinh hoạt.	Nguồn tiếp
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật		
3	Xây dựng hệ thống hạ tầng		

	xã hội, các khu dân cư, các dự án đầu tư xây dựng,...	nguồn nước mặt; - Nước thải sinh hoạt; - Nhiên liệu rò rỉ theo nước mưa chảy tràn vào nguồn nước mặt hoặc thấm vào đất và nước ngầm...; - Chất thải rắn không được thu gom, theo nước mưa, nước ngầm,...	nhận
4	Phát triển đô thị	- Nước thải sinh hoạt.	

- Ô nhiễm đất:

TT	Nguồn gây tác động theo giai đoạn	Tác nhân gây tác động	Phạm vi tác động
1	San lấp mặt bằng	- Phá hủy thảm động vật, thực vật thủy sinh; bong lớp thổ nhưỡng tự nhiên.	Công trường
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	- Phá hủy thảm động vật, thực vật thủy sinh; - Rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.	
3	Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, các khu dân cư, các dự án đầu tư xây dựng,...	- Nhiên liệu rò rỉ thấm vào đất; - Rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.	
4	Phát triển đô thị	- Rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.	

- Nguồn gây tác động ngoài khu vực quy hoạch:

TT	Nguồn gây tác động	Tác nhân gây tác động	Phạm vi tác động
1	San lấp mặt bằng	- Phá hủy thảm thực vật - Biến đổi vi khí hậu - Gây ngập úng cục bộ	Khu vực thực hiện quy hoạch
2	Vận chuyển nguyên vật liệu	- Gia tăng tai nạn giao thông - Gây tắt nghẽn giao thông	Khu vực thực hiện quy hoạch
3	Tập trung công nhân	- Tác động văn hóa- xã hội - Gây mâu thuẫn và tệ nạn xã hội	Trên tuyến vận chuyển
4	Tắt nghẽn giao thông	- Tác động văn hóa –xã hội	Khu vực thực hiện quy hoạch
5	Ngập úng thoát nước không kịp	- Tác động văn hóa –xã hội	Khu vực thực hiện quy hoạch

b) Giải pháp quy hoạch bảo vệ môi trường:

- Khu vực phục hồi môi trường và cải tạo phát triển đô thị: Khu vực trung tâm đô thị hiện hữu và hành chính phức hợp cần đảm bảo thu gom xử lý chất thải triệt để, phát triển và cải tạo đồng bộ hạ tầng; xử lý phục hồi chất lượng môi trường đặc biệt là môi trường nước mặt sông Lũy; di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ vào cụm công nghiệp. Kiểm soát các vấn đề về nước thải, chất thải rắn và kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, không khí và tiếng ồn do hoạt

động giao thông, hoạt động xây dựng, cải tạo không gian sống cũng như cung cấp dịch vụ tốt nhất. Lồng ghép áp dụng các giải pháp hạ tầng xanh, công trình xanh giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường của đô thị hóa tập trung.

- Khu vực kiểm soát phát triển đô thị mới và du lịch: Là các khu đô thị gắn với công nghiệp và dịch vụ du lịch kiểm soát các vấn đề thu gom xử lý chất thải; lồng ghép giải pháp phát triển đô thị xanh, thích ứng; nên phát triển theo cụm để hỗ trợ thoát nước. Kiểm soát các vấn đề về nước thải, chất thải rắn và kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, không khí và tiếng ồn nguy cơ ảnh hưởng từ cụm công nghiệp tập trung. Kiểm soát hoạt động du lịch như: thu gom, xử lý chất thải bảo vệ cảnh quan sinh thái tự nhiên ven biển.

- Khu vực kiểm soát phát triển công nghiệp: Đối với các cụm công nghiệp, phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định trước khi thực hiện dự án xây dựng, sau đó đối với từng nhà máy trong khu công nghiệp cũng phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định nhằm kiểm soát ngay từ giai đoạn đầu thực hiện dự án, không để các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí. Tất cả các cơ sở sản xuất đều phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh đến khu dân cư theo quy định hiện hành.

- Khu vực rủi ro: Giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro lũ lụt, phục hồi không gian tự nhiên, cây xanh ven sông Lũy và biển Đông, kiểm soát phát triển, hạn chế xây dựng; tuân thủ chặt chẽ quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Luật phòng chống thiên tai, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Quản lý giám sát không để xảy ra tình trạng khai thác vật liệu xây dựng làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông. Đối với khu vực ven biển, hạn chế xây dựng phát triển mật độ cao đảm bảo thích ứng và giảm thiểu thiệt hại thông qua thiết lập hệ thống kè bờ biển, kè phá sóng tại các khu vực phát triển (du lịch, cảng biển); trồng, bảo vệ hệ thống cây xanh, rừng phòng hộ ven biển giữ bãi, chắn gió, bão.

- Khu vực bảo vệ sinh thái nông lâm nghiệp: Kiểm soát việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường. Hạn chế phát triển, xây dựng để bảo tồn không gian sinh thái bản địa với mô hình ở phân tán mật độ thấp đảm bảo chức năng vùng đệm, tăng sức chịu tải môi trường. Bảo vệ nguồn nước tự nhiên; tạo thêm các không gian lưu chứa nước bổ sung, theo dõi kiểm soát nguy cơ cháy rừng trong mùa khô. Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm từ khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang tập trung. Phục hồi môi trường tại các điểm khai thác vật liệu xây dựng.

8. Chiến lược quản lý tổng hợp nguồn nước ứng phó biến đổi khí hậu:

a) Định hướng chiến lược:

- Thực hiện chiến lược bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên cho đô thị Phan Rí Cửa và vùng lưu vực sông Lũy và các nhánh có liên quan, trong đó bảo tồn, khôi phục mạng lưới nước mặt và hệ thống nước ngầm để tạo thành xương sống cho hệ thống hạ tầng xanh.

- Trên cơ sở các kịch bản biến đổi khí hậu, xác định các khu vực thuận lợi cho phát triển đô thị; các khu vực hạn chế phát triển, các khu vực cần bảo tồn, tôn tạo, hay khôi phục (các khu vực rừng phòng hộ ven biển, khu vực vùng trũng - phục hồi cảnh quan sinh thái rừng ngập mặn)...

b) Các giải pháp quản lý nguồn nước:

- Điều tiết xả nước từ các hồ chứa thượng nguồn trên lưu vực sông Lũy, duy trì dòng chảy mùa khô nhằm giảm thiểu nguy cơ xâm nhập mặn.

- Bổ sung hệ thống kênh tưới để đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng các đập điều tiết ở thượng nguồn và hạ lưu giúp điều tiết tối ưu.

- Xây dựng hệ thống kè chống sạt lở và bảo vệ lòng dẫn, bảo vệ hai bên bờ sông Lũy.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt, đảm bảo thoát nước nhanh.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải, hạn chế tiến tới chấm dứt tình trạng nước thải xả trực tiếp vào các nguồn nước.

- Điều tiết xả nước từ các hồ chứa thượng nguồn trên lưu vực sông Lũy duy trì dòng chảy mùa khô giảm thiểu nguy cơ xâm nhập mặn.

- Xây dựng hệ thống kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, bao gồm: kênh Chí Công, kênh Hòa Phú, kênh Hòa Minh.

- Không xả rác thải ra không gian mặt nước, không để rác thải là nguồn gây ô nhiễm hệ thống nước mặt và nước ngầm.

9. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

TT	Dự án chiến lược	Khái toán vốn đầu tư (tỷ đồng)	Các hình thức huy động nguồn lực thực hiện dự án
1	Dự án phát triển dịch vụ hậu cảng tại bờ Tây sông Lũy	472	Nguồn vốn Nhà nước kết hợp kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp
2	Dự án xây dựng cảng và dây phố dịch vụ ven biển tại xã Chí Công	104	Nguồn vốn Nhà nước kết hợp kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp
3	Dự án cụm CN chế biến thủy, hải sản để hỗ trợ sản xuất và cải thiện chất lượng môi trường sống khu	81	Nguồn vốn Nhà nước kết hợp kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp

TT	Dự án chiến lược	Khái toán vốn đầu tư (tỷ đồng)	Các hình thức huy động nguồn lực thực hiện dự án
	dân cư xã Chí Công		
4	Các dự án xây dựng các cơ sở vật chất dịch vụ du lịch tập trung	621	Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp
5	Dự án bổ sung hệ thống kênh tưới; tôn tạo và phát triển vùng nông nghiệp cảnh quan – lồng ghép du lịch sinh thái nông nghiệp	127	Nguồn vốn ngân sách kết hợp kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp và nhân dân cùng đóng góp
6	Dự án xây dựng cụm CN chế biến và kho chứa nông sản	156	- Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp.
7	Dự án bổ sung tiện ích công cộng để hoàn thiện công viên công cộng rừng dương	114	- Nguồn vốn ngân sách; - Kêu gọi đầu tư vốn ngoài ngân sách.
8	Dự án tôn tạo, phục hồi và xây dựng công viên sinh thái rừng ngập mặn	19	- Nguồn vốn Nhà nước; - Huy động từ các doanh nghiệp, nhà tài trợ. Kêu gọi các dự án hợp tác quốc tế và nhân dân cùng đóng góp.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung:

(Kèm theo Quy định cụ thể)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu và xác nhận hồ sơ đồ án quy hoạch kèm theo; quản lý hồ sơ quy hoạch được phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp cùng UBND huyện Tuy Phong thông báo, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc; kiểm tra và quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo Quy hoạch chung được phê duyệt.

2. UBND huyện Tuy Phong có trách nhiệm:

- Phối hợp cùng với Ban Điều phối dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị tỉnh Bình Thuận triển khai công bố công khai; cắm mốc giới quy hoạch; xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển đô thị để thực hiện các nội dung theo Quy hoạch chung được phê duyệt.

- Quản lý hồ sơ quy hoạch được phê duyệt; thông báo, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ việc triển khai thực hiện, đầu tư xây dựng theo nội dung Quy hoạch chung được phê duyệt; chủ động, phối hợp với các cơ quan

chức năng huy động các nguồn vốn để thực hiện đầu tư, xử lý các trường hợp xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật

3. Ban Điều phối dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị tỉnh Bình Thuận: Chủ động liên hệ phối hợp với UBND huyện Tuy Phong triển khai công tác công bố công khai Quy hoạch chung được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 08/02/2007 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phong, Chủ tịch UBND thị trấn Phan Rí Cửa, Chủ tịch UBND các xã: Hòa Minh, Hòa Phú, Chí Công và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH XD. Thiện

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai